

TRUNG GIANG KÝ SỰ – kỳ 8

Hành Vân

Sáng sớm Chủ nhật, ngày 21 tháng giêng, tôi đi cùng các sư Minh Phát, Minh Văn và Minh Hải xuống Tịnh xá Mỹ Đức ở Mỹ Tho. Nhân dịp chuyến đi cúng trai Tăng cầu siêu này, tôi có kế hoạch sẽ đi dạo các tịnh xá ở hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre để tìm hiểu về hòa thượng Từ Huệ. Trong hàng đệ tử Tăng của đức Tổ sư Minh Đăng Quang, hòa thượng là người đầu tiên có nhiều gắn bó với đức Tổ sư. Và như thế chắc là có nhiều điều về đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã được hòa thượng kể lại cho các đệ tử thân cận nghe.

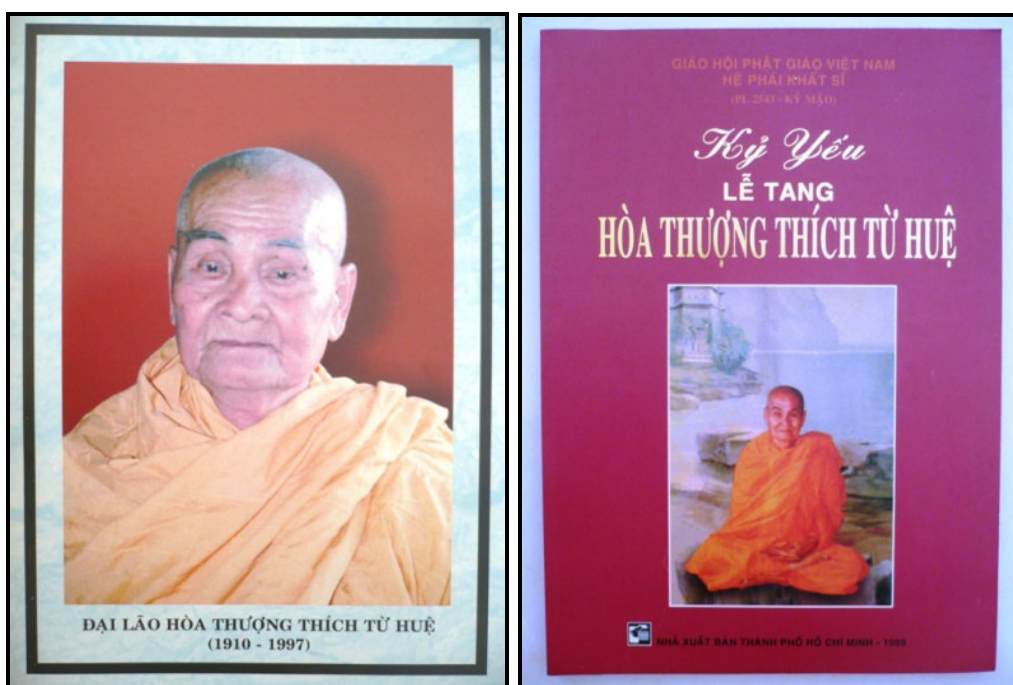


Tịnh xá Mỹ Đức đã hoàn thành sự trùng tu, chuẩn bị khánh tạ vào ngày mùng 8 – 2 tới.

Chúng tôi rời khỏi Tịnh xá Trung Tâm lúc 5 giờ, đến Mỹ Đức lúc hơn 8 giờ sáng. Gần 9 giờ thì mọi người tập trung qua nhà trai chủ ở đường Ấp Bắc, chỗ gần công viên. Nghi thức cúng trai Tăng cầu siêu của Mỹ Đức là trước tụng *Kinh Địa Tạng* rồi sau sẽ cúng đầy đủ như ở các tịnh xá của Phật giáo Khất Sĩ. Hôm đó, mọi người đọc tiếp trọn quyển III của *Kinh Địa Tạng*, tất cả sáu phẩm cuối. Khi trên xe đi về tịnh xá, mấy sư chọc ghẹo nhau, nói là lần sau sẽ nhớ mời...

Sau khi mấy huynh đệ đã về lại Thành phố, tôi xin phép hòa thượng Huệ Tâm cho được ở lại để tìm hiểu về thầy của hòa thượng. Đến chiều hôm đó, do hòa thượng có khách nên tôi xin được xem lại tiểu sử của hòa thượng Từ Huệ trong quyển kỷ yếu tang lễ của ngài trước, rồi đến tối sẽ thưa chuyện sau. Sư Minh Bửu tìm đưa tôi một quyển, tôi tranh thủ mượn máy đánh luôn một bản tiểu sử hòa thượng Từ Huệ.

(Xem phụ lục 3 – *Tiểu sử Hòa thượng Từ Huệ*)



Chân dung hòa thượng Từ Huệ và quyển kỷ yếu về ngài.

Tối hôm đó, đến gần 9 giờ thì tôi bắt đầu xin hòa thượng Huệ Tâm kể chuyện về hòa thượng Từ Huệ. Hòa thượng kéo ghế ngồi, rồi kêu tôi cũng ngồi. Tôi xá hòa thượng, ngồi xuống rồi lấy máy ghi âm ra. Cái máy này trước đây tôi hay dùng để thu lại những bài pháp của mình đi giảng ở các nơi, đem về chép vào máy vi tính và sang ra đĩa. Nó tốt lắm, nhưng đã lâu rồi tôi không dùng đến bảo bối này. Tối hôm qua tôi đã lục nó ra đem theo và khi chiều đã bóc sạch lớp keo dán, mua bin AAA thử dùng lại. Tôi bấm máy thu âm, hòa thượng Huệ Tâm bắt đầu kể:

– Nói về đức Thầy của tôi, thì cuộc đời của ngài cũng có nhiều điều đặc biệt. Những cái chính đã có hết trong tiểu sử rồi. Bây giờ tôi chỉ nói những điều mà trong tiểu sử không có thôi.

Trước khi xuất gia, thầy tôi có bảy người con: con đầu là Hai Oanh, kế là Ba Hóa... đến út là Tám Cụt, do thấp người. Có mấy người đã hy sinh, đã chết, bây giờ chỉ còn lại bốn người. Như Hai Oanh, năm 17 tuổi bị Pháp bắt, chúng hỏi: “Tại sao mày theo Việt Minh?” – “Do tao yêu nước, tao muốn chống Pháp.” – “Người Pháp làm gì mày mà chống?” – “Mấy ông xâm chiếm đất nước tui.” – Bọn Pháp thừa nhận: “Mày nói đúng.”. Tuy bọn nó khen người nhỏ tuổi có lý tưởng nhưng đã bắt được rồi thì bọn nó vẫn đem đi bắn chết.

Một lần, vào trước rằm tháng 10 (năm 1946), thầy tôi cầm chai lên chợ Tân Hương mua dầu. Khi đến gần Ga Ông Táo ngài đã gặp Tổ. Hỏi đó Tổ trẻ người, khôi ngô, thân đắp một tấm chăn, tay ôm bát gạo dừa, tay chống cây khoai mì. Khi gặp, thầy tôi chào Tổ, ngài cũng chào, lại hỏi thăm: “Huynh có quy y chưa?” – “Có, con theo hòa thượng ở Chùa sắc tứ Long Hội. Thừa thầy ở đâu?” – “Tôi ở chùa Linh Bửu trong Phú Mỹ. Nay tôi đi Sài Gòn lấy *Kinh Pháp Hoa* để rằm này thuyết pháp ở Linh Bửu, huynh có rảnh thì lên chơi.”

Tuy hứa lên Linh Bửu nhưng lần đó về nhà lo làm hàng mộc để kịp tết, nên thầy tôi đã không lên được. Đến rằm tháng giêng năm sau thầy tôi mới lên tới chùa Linh Bửu. Khi đó Tổ vừa ra tịnh. Nghe nói ngài nhập tịnh, ngày đêm đều ngồi trên một cái ghế vuông, trong một cái mùng trùm lên ghế. Gặp Tổ, thầy tôi được biết Tổ ở bên Sóc Mẹt – Tà-keo, ông Bảy Tam đã đưa ngài về Phú Mỹ hành đạo. Lần đó, Tổ cho thầy tôi ghi kinh về học và dặn thỉnh thoảng nhớ lên gặp ngài. Đến khi về nhà, thầy tôi đã cắt tóc tập tu, ăn chay.

Hòa thượng Huệ Tâm kể qua, tôi đoán rằng trong lần đi xe lửa đó, Tổ sư Minh Đăng Quang đã tạo một ấn tượng mạnh ở mọi người xung quanh: một ông đạo trẻ tuổi ăn mặc thật đặc biệt! Cho nên ngài Từ Huệ liền lưu ý và chủ động bắt chuyện với ông đạo lạ lùng đó. Và tôi cũng chú ý một điểm: Từ xã Tân Hương vô xã Phú Mỹ trên 10km, hồi đó đường đi đâu được như bây giờ, lại nghe nói phải qua mấy trạm kiểm soát gặt gao, vậy mà ngài Từ Huệ vẫn thường không quản khó nhọc để tìm đến với Tổ sư Minh Đăng Quang. Nhiệt tâm này rất đáng trân trọng, mà duyên thầy trò giữa hai người cũng sâu đậm lắm!

Hòa thượng Huệ Tâm kể tiếp:

– Dần dần, Tổ bảo thầy tôi may y rồi lên chỗ ngài tập tu. Đến khi nhận thầy tôi xuất gia, Tổ đổi pháp danh Từ Hóa của thầy thành Từ Huệ. Hồi đó chưa có thống nhất chữ Giác, chữ Minh gì.

Tôi hỏi:

– Bạch hòa thượng, ngài Từ Huệ xuất gia sau nhóm cô Huỳnh Liên?

– Thầy tôi xuất gia sau. Năm đó ngài 37 tuổi.

Hòa thượng đã khẳng định là xuất gia sau thì ngài Từ Huệ đâu thể xuất gia vào năm 1946 như trong tiểu sử ghi được. Bốn đệ tử nữ đầu tiên của Tổ sư Minh Đăng Quang xuất gia vào ngày mùng 1 tháng 4 năm Đinh Hợi 1947, năm đó ngài Từ Huệ 37 tuổi Tây. Đây là chỗ hay lẫn lộn của người Nam Bộ: họ thường tính tuổi Ta, nhưng có khi lại dùng tuổi Tây, làm những sự kiện cứ bị chòng chéo.

Hòa thượng kể:

– Hạ năm đầu, ông Sáu Dành cúng dường cho Tổ và các đệ tử ngài. Qua hạ, Tổ bắt đầu dẫn đệ tử đi lần ra Long An, rồi đi các nơi.

Tôi liên tưởng sự ra đi này đến hình ảnh một gà mẹ dẫn đàn con mới nở bắt đầu đi khắp nơi. Hình ảnh đó chắc cũng là một ấn tượng không phai trong lòng các đệ tử của Tổ sư. Vì đến khi Tổ vắng bóng, chư Ni đệ tử ngài đã có cảm tưởng “Con lạc mẹ một bày chiu chít, Ngày qua ngày xúm xít thờ than...” còn ghi trong các bài thơ đó.

Hòa thượng vẫn kể đều đều:

– Khi lên Sài Gòn thì thầy trò ở đậu chùa Kỳ Viên tại Bàn Cờ. Ở đó có ông quản Hậu, ông thưa với Tổ của mình: “Khi nào tôi đánh trống, thỉnh ngài thăng tòa thuyết pháp!”, Tổ nhận lời. Trưa hôm sau, khi vừa đọc kinh cúng ngọ xong, ông quản Hậu liền đánh trống. Tổ lên chánh điện thuyết pháp, xuống trở

quá giờ không ăn nữa. Đến chiều, ông mang cháo vào mời, Tổ không ăn theo luật. Ông ta làm như thế suốt ba ngày, Tổ không nói gì. Đến xong ba ngày, Tổ lại từ giã: “Tôi hứa ở thuyết pháp ba ngày, nay xong rồi để tôi đi.”.

Tổ dẫn đệ tử đi rồi, Phật tử ở Kỳ Viên mới cự ông quản Hậu:

– Sao ông làm gì kỳ vậy?

– Tôi cố thử xem họ có tu chơn như họ nói không!

Sau đó, họ mới mời Tổ đến, cúng chùa Kỳ Viên cho Tổ ở. Chuyện này chính bà Ba Thanh nghe mấy Phật tử cự ông quản Hậu đã kể lại. Bà Ba Thanh là sếp ở đây, tánh thẳng thắn, nói giọng rồn rảng. Hồi đó bà hay qua lại liên lạc giữa Tổ và thầy tôi. Có lần, khi bà Ba Thanh đến gặp Tổ, ngài hỏi:

– Đạo này Từ Huệ còn hay về thăm vợ con không?

Bà Ba đáp:

– Dạ còn chớ.

– Sao không lo tu mà cứ về thăm hoài vậy?

Bà Ba thưa:

– Sư Từ Huệ đi tu là để cứu độ chúng sanh. Mà vợ con của ông cũng là chúng sanh cần cứu độ. Bây giờ sư đi tu, để lại sáu, bảy đứa con ở nhà, rồi ai dạy dỗ bọn nó? Cho nên sư phải có bốn phận thỉnh thoảng về chỉ dạy cho bọn nhỏ nên người chớ. Gặp cô bạn của sư hiền, chịu lo cho sáu, bảy đứa con để chồng đi tu hành đạo, chớ gặp con thì không để gì con cho đi!

Tổ sư nghe rồi mới viết một tờ giấy, bỏ vào phong bì, nói bà Ba Thanh mang về cho sư Từ Huệ, dặn bà nhớ không được mở xem.

Bà Ba mang về trao tận tay thầy tôi. Ngài mở ra xem, thấy trong tờ giấy ghi: “Từ Huệ dạy đệ tử rất khôn, đừng ai cần nấy!”. Thầy tôi mới đưa tờ giấy cho xem rồi hỏi: “Cô làm gì mà đức Sư trưởng nói vậy?”. Bà Ba Thanh liền kể lại, không dấu gì.

Hòa thượng kể chuyện này rồi, cả người kể và người nghe đều cười ngất. Người như bà Ba Thanh là mẫu người điển hình của dân Nam Bộ. Không thấy như cô Út Tịch “Còn cái lai quần cũng đánh!” đó sao? Hay như bà tướng Nguyễn Thị Định, Ni sư Huỳnh Liên... chẳng hạn, Mỹ gặp cũng phải bái phục chịu thua nữa là!

Nhớ gì kể nấy, hòa thượng Huệ Tâm nói tiếp:

– Khi Tổ đi, ngài bảo ông Nhựt Quang ở lại Linh Bửu. Đến lúc Tây đốt Linh Bửu, mấy đứa cháu nói: “Chú còn ở coi chừng Tây bắn chết!”, thôi ông về luôn. Đây là chính ông kể với tôi. (*Chùa bị Pháp đốt vào năm 1950.*)

Khi thầy tôi đi lập tịnh xá ở Cầu Huyện dưới Gò Công, lúc đó ngài Giác Lý là thợ vẽ có ra công quả rồi xin quy y. Đến khi về chứng minh tịnh xá, Tổ đã cho ngài Giác Lý xuất gia.

Đến năm năm mấy, hòa thượng Thiện Hào mời thầy tôi xuống Sa-đéc, vô trồng hợp. Mấy người quen có thấy thầy tôi vô đó. Khi Tổ về, ngài ngó mặt thầy tôi với cô Huỳnh nói: “Mấy người đừng có đem cái đạo của tôi ra làm chính trị!”. Chuyện này là mấy bà Phật tử xưa kể lại với tôi. Chính hòa thượng Thiện Hào sau này cũng có kể lại, đăng trên báo Giác Ngộ.

Hỏi đó Tổ sợ thầy tôi hư. Nhưng sống trong vùng Cách mạng, không tham gia coi sao được? Như bà Tám là người đã hiến đất cất tịnh xá (*Mỹ Đức*), bà đi quyên tiền cho Cách mạng mà mình không đóng sao?

Tôi hiểu, thời buổi loạn lạc, con người dễ gì được tự chủ. Có thể nói không ngoa rằng trong thời buổi như thế thì mạng người có đáng giá gì! Tổ sư Minh Đăng Quang không muốn đệ tử đi vào con đường đấu tranh của thế nhân, nên nếu kẹt vào tình thế thân bất do kỷ thì mình phải khéo xử. Như chuyện đóng tiền thì thời đó các sư đâu có tiền mà quyên góp gì, và đi vô chiến khu hợp lại là chuyện khác hẳn.

Kể về nhân duyên tách đoàn của thầy mình, hòa thượng Huệ Tâm cho biết:

– Năm 1952, thầy tôi về giáo hội bạch với Tổ: “Nay đệ tử có mấy tịnh xá, xin được tách đoàn đi mở đạo riêng.”. Tổ đồng ý, ngài bảo thầy tôi: “Từ Huệ xin đi riêng, tôi chấp nhận. Nhưng nhớ là nên nhờ, hư chịu, không được liên quan gì đến giáo hội.”. Thầy tôi thưa: “Cho đệ tử thỉnh thoảng được về thăm thầy. Còn việc đệ tử làm thì không dám làm phiền giáo hội.”.

Tôi thấy rằng đây là một sự quyết đoán của đức Tổ sư. Ngài đã cho sư Từ Huệ đi luôn là để ngừa sự liên quan với Cách mạng của đệ tử có thể ảnh hưởng tới giáo hội mới lập của ngài. Còn ngài cho sư đi riêng là ngài đã thấy trước cũng như đã có định hướng cho sự phát triển mạnh mẽ của các đệ tử Tăng, Ni, dù cho hầu hết đệ tử của ngài đều còn non tuổi đạo. Tổ sư đâu có hắt hủi đệ tử, tình cảm thầy trò giữa hai người vẫn tốt đẹp. Hòa thượng Huệ Tâm không nhìn vấn đề như thế này, hòa thượng chỉ nhận xét rằng:

– Thầy tôi cũng có phước đức nhân duyên. Bây giờ (*nhiều người*) tu nhiều năm rồi, bảo đi lập chùa cũng lập đâu nổi.

Nhận xét đó quá hiển nhiên, chắc ai cũng đồng ý. Hòa thượng kể tiếp:

– Đến khi Tổ sắp thọ nạn, ngài có cho sư Giác Lương qua kêu thầy tôi về giáo hội. Nhưng thầy tôi nhờ sư Giác Lương về thưa dùm rằng việc giáo hội để anh em bên đó lo, thầy tôi học kém, không có năng lực, chỉ xin lo tu thôi.

Có lẽ do sư Từ Huệ mặc cảm không về nên Tổ sư đã ghé Mỹ Tho gặp người đệ tử Tăng đầu tiên¹ của mình một lần cuối. Nghĩ vậy, tôi nhắc một việc:

– Bạch hòa thượng, Hàn Ôn nói trước khi thọ nạn Tổ sư đi viếng Thất Sơn ba ngày rồi về Ngọc Quang. Con thấy ông nói vậy đâu có đúng.

Hòa thượng Huệ Tâm khẳng định:

¹ Lúc này Huệ Ngạn đã chết, Nhựt Quang và Nguyệt Minh đã hoàn tục.

– Ba ngày đó ở đây. Ông Hàn Ôn đâu có đi theo Tổ lúc đó. Sau ông đi các nơi sưu tầm lại, nhưng chắc là tìm hiểu chưa đủ. Như việc ở Mũi Nai, thầy tôi chỉ kể là ông Bảy Tam đưa Tổ từ Sóc Mẹt về, không hiểu Hàn Ôn nghe ở đâu thêm chuyện đó?

Tôi nhắc hòa thượng Huệ Tâm về giáo hội Ka-si-pa, ngài nói:

– Giáo hội đó do sư Giác Hiền với sư Giác Hạnh lập ra. Họ mời thầy tôi ra chứng minh hờ thôi. Họ mượn tạm tiệm cơm Hòa Bình ở Cầu Bông (Sài Gòn) để làm cơ sở, không ở lâu được, chỉ tồn tại khoảng một năm. Sau, sư Giác Hạnh qua bên Mẫu Trầu, sư có rủ thầy tôi: “Qua đây đi, bên này không tu cũng chứng! Mẫu cấp cho ba vong linh theo hộ, chuyện gì cũng báo cho mình biết trước.”, nhưng thầy tôi không đi. Để người ta làm chủ mình, tôi thấy chuyện đó không được!

Thông tin về phái Mẫu Trầu này rất giá trị, và hòa thượng Huệ Tâm đã nêu ý kiến rất chính xác. Hòa thượng không đồng ý cho người ta làm chủ mình, điều này là đúng với bản chất của Phật pháp. Nhưng tôi vẫn hỏi tiếp:

– Sao con nghe nói nhánh Khất sĩ Ka-si-pa là do ông Đoàn Trung Còn lập?

– Không phải đâu, đại đức nghe không đúng đó.

Tôi đã đến Chùa Liên Tông của ông Đoàn Trung Còn, thấy trên vách chánh điện còn treo những tấm hình xưa, trong đó có nhiều nhà sư Khất sĩ. Khi đó, tôi hỏi thăm thầy Thiện Huệ quản tự Chùa Liên Tông về phái Khất sĩ Ka-si-pa thì thầy ngạc nhiên lắm. *(Mà với đa số những việc tôi hỏi thăm thầy cũng có thái độ tương tự.)* Nhưng quả thật giáo hội của ông Đoàn Trung Còn lập năm 1955 là Giáo hội Tịnh Độ Tông Việt Nam (xem Ký sự kỳ 3). Chuyện này còn ần khuất, cần phải tìm hiểu thêm. Tôi thưa hòa thượng việc khác:

– Bạch hòa thượng, con nghe nói hòa thượng Từ Huệ có xá-lợi?

– Có mười mấy hột, xám xám, gai góc chứ không tròn láng.

– Cuộc đời hòa thượng Từ Huệ có sự kỳ diệu nào nữa không, bạch hòa thượng?

Hòa thượng Huệ Tâm thùng thảng đáp:

– À, đức độ cảm hóa của ngài cũng rất hay. Năm bốn mấy, khi thầy tôi mới xuất gia, về đây ở đậu Chùa Bà, trong dân chúng có xảy ra ôn dịch, khổ sở. Thầy tôi mới nguyện lãnh thọ nghiệp của chúng sanh. Ngài nguyện lãnh hết cho dân chúng được bình yên làm ăn, vì chúng sanh khổ mà Phật không cứu độ chúng sanh thì ai cứu? Ngài học theo gương Phật. Thế rồi bệnh dịch hết mà thầy tôi thì trở bệnh, trong người rét run, buổi sáng tắm nắng, rồi đi bát, về thuyết pháp không nổi... suốt ba tháng như vậy. Mấy bà Phật tử cũng lo nhiều lắm. Sau, thầy tôi khỏe lại, ngài bắt đầu có nhiều uy tín với dân chúng.

Thầy tôi cũng có mấy thang thuốc hay lắm. Sâm nhung bổ huyết, điều kinh, bạch đới hạ... mấy thang của ông nội truyền cho, ngài đem ra làm cho

người có bệnh uống, chỉ nhận lại tiền thuốc để giúp tiếp cho người khác. Người ta uống hết bệnh, họ biết ơn, theo ngài cũng đông.

Hòa thượng Huệ Tâm rất cởi mở và nhiệt tình. Tiếp tôi, hòa thượng kể nhiều chuyện, cách nói lời cuốn, không rào đón quanh co. Như chuyện về tịnh xá ở Mõ Cày ngày xưa, hòa thượng kể mà tôi không thể nhịn cười:

– ...Khuya ở Mõ Cày, mấy con ềnh ương kêu “quềnh, quang, quềnh, quang”, có khi kêu “quang, ương, quang, ương”, ngày xưa ăn cướp công của Thạch Sanh mà nói gì; mấy con nhái bầu kêu “ngắt ngang, ngắt ngang”... hai huynh đệ buồn hiu!

Hay như nhắc đến chữ ký của Tổ sư, hòa thượng đã nêu ra một nhận xét nghe thật lạ:

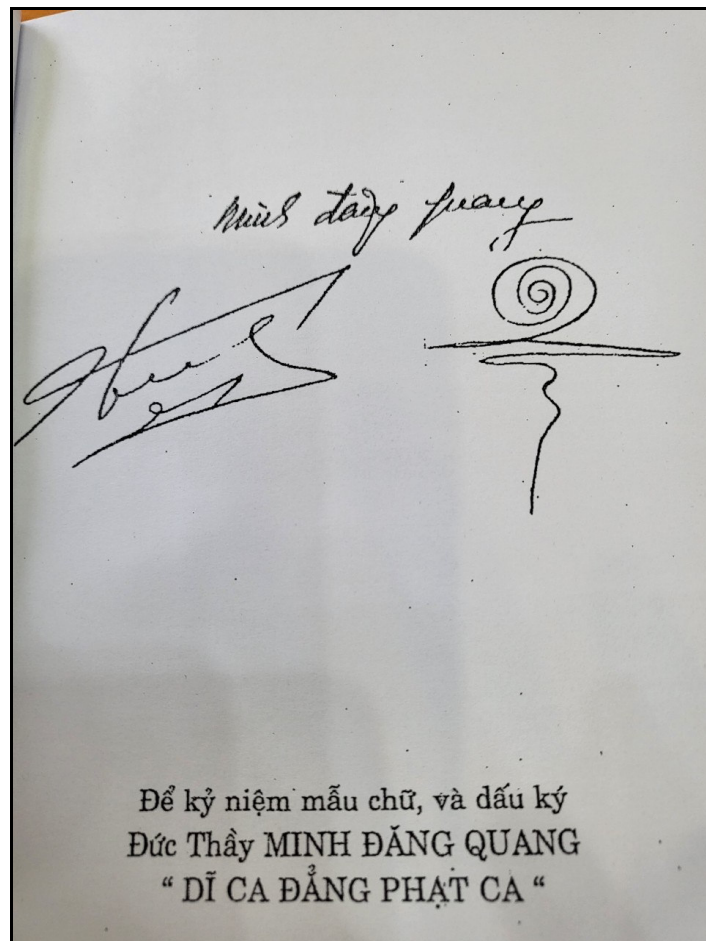
– Tổ sư có hai chữ ký,

– Dạ, một là Hườn,

– Còn một tròn quay như cái dấu hỏi. Ông giáo Đạt ở Bình Dương bàn: cái chữ ký đó giống tảng khối trái bom nguyên tử ở Nhật, tức là nó thăng lên.

Tôi khâm phục trí tưởng tượng của ông giáo:

– Hay thật!



Chữ ký **Hườn** và chữ ký giống dấu ? của Tổ sư trong sách của Hàn Ôn, bản cũ.

Đến gần 11 giờ, tôi nhắc hòa thượng Huệ Tâm là đã đến lúc đi nghỉ chưa? Ngài hỏi mấy giờ rồi nói mọi khi nghỉ sớm hơn, nhưng có việc cần thì thức không sao. Thôi, tôi thỉnh hòa thượng đi nghỉ và không quên cảm tạ hòa thượng về những gì ngài vừa cho biết.

Hôm sau, trước khi tạm biệt Mỹ Đức, tôi xem lại quyển kỷ yếu tang lễ hòa thượng Từ Huệ, thấy hạnh nguyện “Đem cho tín chủ phước thanh tịnh, Xin lấy cho mình nghiệp khó khăn” của hòa thượng Từ Huệ còn được hòa thượng Huệ Tâm tường thuật lại trong quyển này như sau:

“Năm 1964, vào ngày 15 tháng 2 tại Tịnh xá An Đức cúng hội, có ba người tạt nguyên ăn xin than thở với hòa thượng, hòa thượng bảo Phật tử cho tiền rồi bảo ba người đó: “Ba bà vô lạy Phật đi, rồi nguyện với Phật cho chúng tôi được cỗi cái khổ này cho ông thầy lãnh, để chúng tôi được thấy đường, chúng tôi đi làm ăn, không ăn xin nữa!”. Đêm đó, hòa thượng ngủ thấy có ông già râu tóc bạc phơ đứng gần bên nói với ngài: “Nghiệp của người ta mà ngươi muốn lãnh. Để ta cho nhà ngươi 10 ngày biết cảnh phải chịu đui và điếc!”.

Chiều ngày 16, lúc 6 giờ tối thì mắt hòa thượng cũng tối theo, tai cũng điếc. Tôi không tin. Để thử hòa thượng thiệt hay giả bộ, tôi lại nói nhỏ nhỏ bên tai hòa thượng, ngài không nghe được thật. Đến khuya, hòa thượng kêu tôi dẫn ngài đi tiểu. Đêm 16 trời có trăng, thấy mấy cục gạch lờm chờm, tôi dẫn đi ngay không tránh. Đi tới, chân hòa thượng xui vào mấy cục gạch, ngài quở, tôi xin sám hối: “Con thử thầy, coi cái không thấy của thầy đến mức độ nào, xin thầy thứ lỗi cho con làm đau chân thầy.”. Rồi tôi lấy dầu ra xoa bóp cho hòa thượng. Khi ấy tôi mới tin sự lãnh nghiệp của hòa thượng là thật. Và hòa thượng đã phải chịu lãnh nghiệp cho người đung 10 đêm như thế.”² (Trích bài “*Hạnh Bồ Thí Của Bồ-tát*”)

Xem được thêm câu chuyện cao quý về hạnh nguyện bồ thí vô úy của hòa thượng Từ Huệ, tôi chợt nhớ đến một câu chuyện tương tự trong *Minh Đăng Quang Pháp Giáo*: Một lần, có một người Tàu ở Long An vào thưa với Sư trưởng Minh Đăng Quang rằng ông ta bị bệnh nghiện thuốc, bây giờ thời buổi khó khăn không còn mua thuốc phiện hút mỗi ngày được nữa, nên mỗi khi lên cơn nghiện thật là khổ. Bấy giờ Sư trưởng Minh Đăng Quang mới nguyện rằng: “Thôi ông lên lễ Phật đi, để tôi lãnh cái nghiệp này cho!”. Ông ta làm theo lời, từ đó về sau quả thật không còn nghiện thuốc nữa.

Liên tưởng hai câu chuyện, tôi nghĩ đức Minh Đăng Quang thật là giàu có hơn ngài Từ Huệ vào năm 1964, mà như ngài Từ Huệ khi ấy cũng là đã có công năng lãnh nghiệp dùm người được rồi, tuy ngài chưa phải là Thánh nhân nên còn bị quỷ thần dờn mặt, gọi “ngươi” xưng “ta” này nọ. Người ta sống trong đời, ham ăn ham ngủ tranh giành nhau như một bầy con nít mà tạo nên lắm ác nghiệp. Đến khi bị báo ứng phải đui điếc một đời, cả ba người như thế mà ngài

² Lưu ý: chuyện này xảy ra khi sư Huệ Tâm mới xuất gia được hai năm, chưa hiểu nhiều về thầy của mình; còn ngài Từ Huệ khi ấy được 17 hạ, người kể lại đã dùng từ “hòa thượng” có thể làm người đọc hiểu lầm.

Từ Huệ chỉ trả dùm trong 10 ngày, xem ra tài khoản phước đức của ngài khi ấy cũng đáng vào hàng triệu phú! Mà không rõ về sau ba bà đó như thế nào?

Ở một bài khác, tôi được biết hòa thượng Từ Huệ có tâm nguyện tu theo hạnh Bồ-tát Địa Tạng:

Nay thầy cởi bỏ lột đời
Vô vi nguyện đứng thế ngài Tạng Vương
Các con chớ có buồn thương
Tinh thần đạo đức hao mòn giảm suy...

Tâm nguyện cứu vớt chúng sanh thoát khổ địa ngục của hòa thượng Từ Huệ thật là cao quý. Pháp giới địa ngục vốn biến hiện khắp các cõi âm, dương chứ không riêng gì âm phủ. Phải có mắt trí mới thấy được cõi ấy, mới có phương tiện cứu vớt được những chúng sanh ở cõi ấy. Trong số hàng ngàn Tăng, Ni ở Việt Nam ngày nay, có mấy ai phát nguyện làm Địa Tạng cứu khổ chúng sanh! Một đời tu hành của hòa thượng Từ Huệ là bài pháp sống động nhất để lại cho Tăng, Ni, Phật tử vùng Tiền Giang, Bến Tre và khắp mọi nơi.
